



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 11, THÁNG 7, 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



- Trung Quốc yêu cầu kiểm dịch thực vật hạt giống cà chua, ớt nhập khẩu

- Nhãn hiệu thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu vào Trung Quốc phải tuân thủ những quy định nào?

- EU thông báo về quy định thực thi của ủy ban (EU) 2021/968 và việc bãi bỏ quy định (EU) số 335/2010.



Cơ quan chủ quản
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. Lê Thanh Hòa
Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập
TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban
(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)
ThS. Nguyễn Quốc Chính
KS. Nguyễn Tử Cương
ThS. Trần Thùy Dung
TS. Nguyễn Thu Hồng
ThS. Trần Diễm Hồng
KS. Lê Anh Ngọc
ThS. Trần Thị Tú Oanh
PGS. TS. Nguyễn Anh Thu
ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập
TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019
Email: spsvietnam@mard.gov.vn
Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
Số: 22/GP-XBBT ngày 23/3/2021 của Cục Báo chí,
Bộ Thông tin và Truyền Thông
In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

Thông tin - Hoạt động

- Trung Quốc yêu cầu kiểm dịch thực vật hạt giống cà chua, ớt nhập khẩu. 3
- Úc thông báo về danh sách các sản phẩm thực vật là vật chủ của bọ cánh cứng Khapra (Trogoderma granarium). 4
- Nhãn hiệu thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu vào Trung Quốc phải tuân thủ những quy định nào? 5
- Hoa Kỳ thông báo về việc tạm ngừng đưa chó nhập cảnh từ các quốc gia có nguy cơ bệnh dại cao. 9

Ý kiến - Trao đổi

- Vương quốc Anh thông báo về các cuộc thanh tra sức khỏe thực vật nhập khẩu vào nước này nhằm mục tiêu đánh giá rủi ro. 10
- EU thông báo về quy định liên quan đến việc cho phép sử dụng chất L-threonine trong thức ăn chăn nuôi. 12
- EU thông báo về quy định thực thi của ủy ban (EU) 2021/968 và việc bãi bỏ quy định (EU) số 335/2010. 13
- Ukraine: dự thảo sắc lệnh về việc “phê duyệt thủ tục công nhận tương đương các hệ thống kiểm soát của nhà nước xuất khẩu. 15
- Canada đề xuất và thông qua mức giới hạn tối đa dư lượng: Fluzaindolizine, Mandipropamid, Benzovindiflupyr Sulfoxaflor, Sethoxydim, Pyroxasulfone và Flonicamid. 16
- Nhật Bản: sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo đạo luật Vệ sinh Thực phẩm. 19

Văn bản mới

- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 7/2021 21

TRUNG QUỐC YÊU CẦU KIỂM DỊCH THỰC VẬT HẠT GIỐNG CÀ CHUA, ỚT NHẬP KHẨU

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/CHN/1223 ngày 16/7/2021 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với vi rút gây bệnh đốm nâu cà chua từ hạt giống cà chua, ớt nhập khẩu vào Trung Quốc.

I. Thời gian phản hồi ý kiến: trong vòng 60 ngày hoặc hết ngày 14/9/2021

II. Thời gian thông qua và công bố: 20/9/2021

III. Nội dung

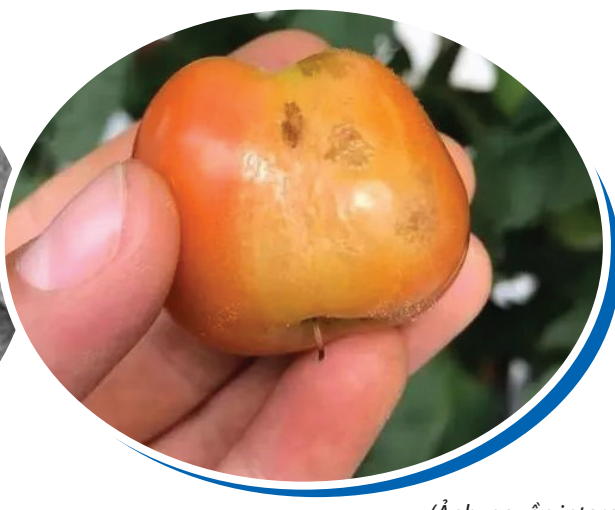
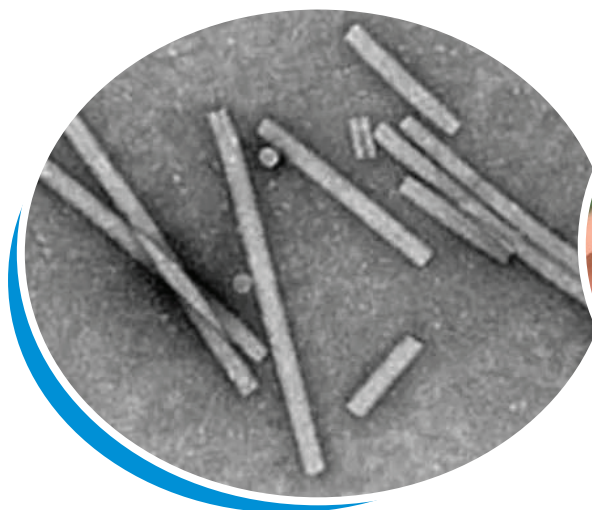
Virus gây bệnh đốm nâu ở quả cà chua (ToBRFV- *Tomato brown rugose fruit virus*) là dịch hại kiểm dịch thực vật nhập cảnh của Trung Quốc. Theo Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh và các quy định thi hành. Hạt giống cà chua (*Solanum lycopersicum* L) và ớt (*Capsicum* spp) xuất khẩu sang Trung Quốc từ các quốc gia hoặc khu vực xảy ra ToBRFV phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Hạt giống cà chua, ớt xuất khẩu sang Trung Quốc phải đến từ các vùng không nhiễm dịch hại ToBRFV được thiết lập theo ISPM số 4 và được công nhận chính thức bởi cơ quan chức năng. Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu phải nêu rõ trong tuyên bố đính kèm của giấy chứng nhận KDTV hàng hoá rằng "lô XX hạt giống này đến từ vùng không nhiễm dịch hại

ToBRFV"; Hoặc

2. Hạt giống cà chua, ớt xuất khẩu sang Trung Quốc qua điều tra chính thức, vùng trồng trong kỳ sinh trưởng không quan sát thấy ToBRFV. Đối với hàng rời số lượng lớn, trước khi xuất khẩu phải lấy mẫu tối thiểu 3.000 hạt (hoặc số lượng nhỏ, ít nhất là 10%) đại diện cho mẫu và tiến hành xét nghiệm phát hiện đối với ToBRFV bằng RT-PCR hoặc RT-PCR huỳnh quang thời gian thực, kết quả không có ToBRFV. Trong tuyên bố bổ sung của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật có ghi rằng "Điều tra chính thức đã được tiến hành trong thời kỳ sinh trưởng vùng trồng không có ToBRFV. Trước khi xuất khẩu, hạt giống đã được kiểm tra bằng PT-PCR hoặc PT-PCR huỳnh quang thời gian thực và kết quả chứng không có ToBRFV".

Trung tâm hỏi đáp và thông báo WTO/TBT-SPS Quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.



(Ảnh: nguồn internet)

ÚC THÔNG BÁO VỀ DANH SÁCH CÁC SẢN PHẨM THỰC VẬT LÀ VẬT CHỦ CỦA BỘ CÁNH CỨNG KHAPRA (TROGODERMA GRANARIUM)

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 1/7/2021, Úc thông báo số G/SPS/N/AUS/502/Add.11 nhằm đưa ra thông báo về danh sách các sản phẩm thực vật là vật chủ của bộ cánh cứng khapra (*Trogoderma granarium*).

Vào ngày 4 tháng 8 năm 2020, Úc đã ban hành thông báo SPS số hiệu G/SPS/N/AUS/502 tới các đối tác thương mại về ý định thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ Úc trước sự xâm nhập, hình thành và lây lan của bộ cánh cứng khapra (tên khoa học là *Trogoderma granarium*). Như đã thông báo trong phụ lục tại thông báo số hiệu G/SPS/N/AUS/502/Add.10, việc thực hiện những biện pháp bổ sung trong Giai đoạn 6A của các biện pháp khẩn cấp sẽ bắt đầu từ ngày 12 tháng 7 năm 2021. Các biện pháp bổ sung này sẽ đưa ra các yêu cầu xử lý tại nước ngoài bắt buộc đối với tất cả các container đường biển FCL/FCX (*Full Container Load/ Full Container with Multiple House Bills of Lading*) có chứa tất cả các loại hàng hóa được đóng gói ở một quốc gia có nguy cơ đối với bộ cánh cứng khapra và được đóng gói tại một vùng trồng ngũ cốc nông thôn của Úc. Để hỗ trợ các bên liên quan chuẩn bị cho việc thực hiện các biện pháp bổ sung trong Giai đoạn 6A, một trang web cụ thể phác thảo các biện pháp container đường biển hiện có sẵn có thể được truy cập tại: (<http://www.awe.gov.au/khapra-containers>). Nếu không tuân thủ các yêu cầu này các container xuất khẩu sang đến Úc sẽ ngay lập tức bị nước này xử lý.

Các loại container rủi ro mục tiêu bao gồm:

1. Đối với container FCL / FCX trong đó các sản phẩm thực vật có nguy cơ cao được đóng gói vào container đường biển tại quốc gia mục tiêu có nguy cơ bộ cánh cứng khapra, ngày áp dụng các biện pháp là 12/4/2021 (container xuất khẩu vào hoặc sau ngày 12/4/2021). Các vật chứa phải được xử lý ở nước ngoài trước khi

đóng gói thông qua sử dụng phương pháp xử lý đã được phê duyệt và kèm theo giấy chứng nhận xử lý hợp lệ. Úc sẽ chỉ chấp nhận đối với các container đã chất đầy hàng hóa xử lý bằng metyl bromua.

2. Đối với container FCL/FCX trong đó các hàng hóa khác được đóng gói vào container đường biển ở quốc gia có nguy cơ bộ cánh cứng khapra và sẽ được đóng gói tại một khu vực trồng ngũ cốc nông thôn của Úc, ngày áp dụng các biện pháp là ngày 12 tháng 7 năm 2021 (container xuất vào hoặc sau ngày 12 tháng 7 năm 2021). Yêu cầu với các loại này chỉ xử lý metyl bromua.

Danh sách gồm 18 loại hàng hoá: gạo (*Oryza sativa*); đậu gà (*Cicer arietinum*); hạt bầu bí (*Cucurbita spp.*); hạt thì là (*Cumin cyminum*), hạt cây rum (*Carthamus tinctorius*); hạt đậu (*Phaseolus*); đậu nành (*Glycine tối đa*); đậu xanh, đậu bò (*Vigna*); đậu lăng (*Lens culinaris*); lúa mì (*Triticum aestivum*); hạt ngò (*Coriandrum sativum*); hạt giống cần tây (*Apium Tombolens*); đậu phộng (*Arachis hypogaea*); ớt khô (*Capsicum spp*); đậu Faba (*Vicia faba*), hạt đậu bắp (cây) (*Cajanus cajan*); đậu Hà Lan (*Pisum sativum*); hạt thì là (*Foeniculum spp*). Ngoài ra có một số loại trừ sau đây được áp dụng: hàng hóa đã qua xử lý được sản xuất và đóng gói thương mại, thực phẩm đông lạnh được sản xuất thương mại và các sản phẩm thực vật đông lạnh hoặc như rau quả tươi.

Các điều kiện nhập khẩu hoàn chỉnh và chi tiết liên quan đến các biện pháp sẽ được nêu trong hệ thống điều kiện nhập khẩu an toàn sinh học (BICON) trước ngày thực hiện.

NHÃN HIỆU THỰC PHẨM ĐÓNG GÓI SẴN NHẬP KHẨU VÀO TRUNG QUỐC PHẢI TUÂN THỦ NHỮNG QUY ĐỊNH NÀO?

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Kể từ ngày 1/10/2019, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã hủy bỏ việc lập hồ sơ nhãn hiệu đối với thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu đầu tiên và đưa nhãn thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu là một trong những hạng mục cần kiểm nghiệm thực phẩm do hải quan căn cứ vào Luật an toàn thực phẩm và Luật kiểm nghiệm xuất nhập khẩu hàng hóa và các quy định pháp luật liên quan để tiến hành kiểm soát.

Theo quy định của Hải quan nước này, các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm xem xét liệu nhãn mác Trung Quốc của thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu của họ có tuân thủ các luật liên quan, quy định hành chính và các yêu cầu của tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của nước mình hay không. Nếu không đạt sẽ không được nhập khẩu.

1. Thực phẩm đóng gói sẵn (prepackaged foods).

Là chỉ thực phẩm được theo định lượng dự kiến trước bao gói hoặc dự trước lượng sản xuất trong bao bì và thùng chứa, bao



(Ảnh: nguồn internet)

2. Căn cứ kiểm nghiệm

Theo Điều 97 “Luật An toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”: nhập khẩu thực phẩm, phụ gia thực phẩm đóng gói sẵn phải có nhãn tiếng Trung Quốc, và phải có hướng dẫn bằng tiếng Trung Quốc nếu quy định của pháp luật yêu cầu. Nhãn và hướng dẫn phải tuân thủ các



(Ảnh: nguồn internet)

gồm cả định lượng trước đóng gói và sản xuất theo định lượng trước của bao bì bao gói và thùng chứa, có khối lượng hoặc thể tích, tiêu thức đồng nhất trong một phạm vi giới hạn nhất định.



(Ảnh: nguồn internet)

yêu cầu của luật này, các luật có liên quan khác và các quy định hành chính, các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc, đồng thời phải nêu rõ nguồn gốc thực phẩm cùng tên, địa chỉ và thông tin liên hệ của nhà nhập khẩu/ đại lý trong nước. Thực phẩm đóng gói sẵn không có nhãn mác, hướng dẫn sử dụng của Trung Quốc

hoặc nhãn mác, hướng dẫn sử dụng không đáp ứng yêu cầu sẽ không được nhập khẩu.

Nhập khẩu thực phẩm đóng gói sẵn phải có nhãn bằng tiếng Trung Quốc đáp ứng các yêu cầu của luật pháp, quy định và tiêu chuẩn của Trung Quốc, dựa trên Quy tắc chung về ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn trong tiêu chuẩn an toàn thực

phẩm quốc gia-GB7718) và (Quy tắc chung về Ghi nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm đóng gói sẵn trong tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia -GB28050), (tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia về sử dụng chất tăng cường dinh dưỡng thực phẩm -GB14880) và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia liên quan sản phẩm, v.v...

3. Các yêu cầu bắt buộc về nhãn hiệu

3.1. Đối với thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu có chỉ dẫn kiểm soát rủi ro, công chức thực thi pháp luật hải quan phải tiến hành kiểm tra tại chỗ và lấy mẫu kiểm nghiệm theo yêu cầu



(Ảnh:nguồn internet)

Các mục bắt buộc đối với nhãn thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu của Trung Quốc: tên thực phẩm; biểu thành phần; tên, địa chỉ và thông tin liên hệ của nhà nhập khẩu/nhà phân phối/đại lý; hàm lượng thực; ngày sản xuất; thời hạn sử dụng; điều kiện bảo quản; nước xuất xứ hoặc nơi xuất xứ; bảng thành phần dinh dưỡng, và đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu của nhãn sản phẩm về an toàn thực phẩm quốc gia



(Ảnh:nguồn internet)

Khi thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu sử dụng cả tiếng Trung và tiếng nước ngoài, nghĩa của tiếng Trung và tiếng nước ngoài cơ bản đồng nhất, cỡ chữ nước ngoài không được lớn hơn cỡ chữ tiếng Trung tương ứng

3.2. Đơn vị đo hàm lượng phải đáp ứng các yêu cầu của bảng sau

计量方式 Phương thức đo lường	净含量 (Q) 的范围 Hàm lượng tịnh (Q)	计量单位 Đơn vị đo lường
体积 (体积) Thể tích (Volume)	Q<1000mL	毫升 (mL) (ml)
	Q≥1000mL	升 (L) (l)
重量 (质量) Trọng lượng (Mass)	Q<1000g	克 (g)
	Q≥1000g	千克 (kg)

Ghi chú: Đồ uống, giấm, muối ăn, đường đặc và bột ngọt có nồng độ cồn từ 10% trở lên được miễn đánh dấu thời hạn sử dụng (GB7718)

3.3. Yêu cầu cơ bản của nhãn dinh dưỡng

★ Bất kỳ thông tin dinh dưỡng nào được ghi trên nhãn dinh dưỡng của thực phẩm đóng gói sẵn phải trung thực và khách quan, không được biểu thị thông tin sai lệch, phóng đại về thành phần dinh dưỡng hoặc các tác dụng khác của sản phẩm;

★ Nhãn dinh dưỡng của thực phẩm đóng gói sẵn phải bằng tiếng Trung Quốc, nếu nhãn bằng tiếng nước ngoài thì nội dung của nhãn phải tương ứng với tiếng Trung Quốc và số phòng chữ nước ngoài không được lớn hơn số phòng chữ Trung Quốc;

★ Bảng thành phần dinh dưỡng nên được thể hiện dưới dạng "bảng hộp", có thể có kích thước bất kỳ dọc theo đường cơ sở của bao bì, tiêu đề là "bảng thành phần dinh dưỡng";

★ Hàm lượng, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm nên được đánh dấu bằng các giá trị cụ thể có thể thu được thông qua tính toán nguyên liệu thô hoặc thử nghiệm sản phẩm.

Ví dụ về bảng thành phần dinh dưỡng như sau:

项目 Hạng mục	每100克 (g) Mỗi 100g	NRV%
能量(Năng lượng)	2550千焦 (KJ)	30%
蛋白质(Đạm)	24.5克 (g)	41%
脂肪 (Chất béo)	53.7克 (g)	90%
碳水化合物 (carbohydrate)	8.6克 (g)	3%
钠 (sodium)	0毫克 (mg)	0%

3.4. Nội dung bắt buộc của nhãn dinh dưỡng

★ Tất cả các nhãn dinh dưỡng thực phẩm

đóng gói sẵn bắt buộc phải công bố nội dung gồm năng lượng, giá trị hàm lượng chất dinh dưỡng cốt lõi và tỷ lệ phần trăm của chúng trong giá trị tham chiếu chất dinh dưỡng (NRV). Khi ghi nhãn các thành phần khác, nên áp dụng các hình thức thích hợp để thông số năng lượng, các chất dinh dưỡng cốt lõi dễ thấy hơn trên nhãn;

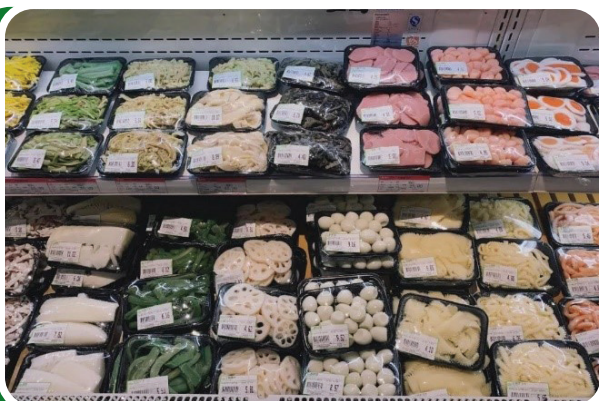
★ Khi đưa ra công bố dinh dưỡng hoặc công bố công năng dinh dưỡng cho các chất dinh dưỡng khác ngoại trừ năng lượng và chất dinh dưỡng cốt lõi, hàm lượng của chất dinh dưỡng và tỷ lệ phần trăm của nó trong giá trị tham chiếu chất dinh dưỡng (NRV) cũng phải được chỉ ra trong bảng thành phần dinh dưỡng;

★ Thực phẩm đóng gói sẵn sử dụng chất tăng cường dinh dưỡng thì ngoài mục yêu cầu đầu tiên, hàm lượng dinh dưỡng của thực phẩm sau tăng cường và tỷ lệ phần trăm của nó trong giá trị tham chiếu chất dinh dưỡng (NRV) cũng phải được chỉ ra trong bảng thành phần dinh dưỡng;

★ Khi thành phần thực phẩm có chứa hoặc sử dụng dầu mỡ hydro hóa và / hoặc hydro hóa một phần trong quá trình sản xuất, hàm lượng chất béo chuyển hóa (axit) cũng phải được chỉ ra trong bảng thành phần dinh dưỡng;

★ Các thành phần dinh dưỡng nêu trên không quy định ghi rõ giá trị tham chiếu dinh dưỡng (NRV) thì chỉ cần công bố hàm lượng.

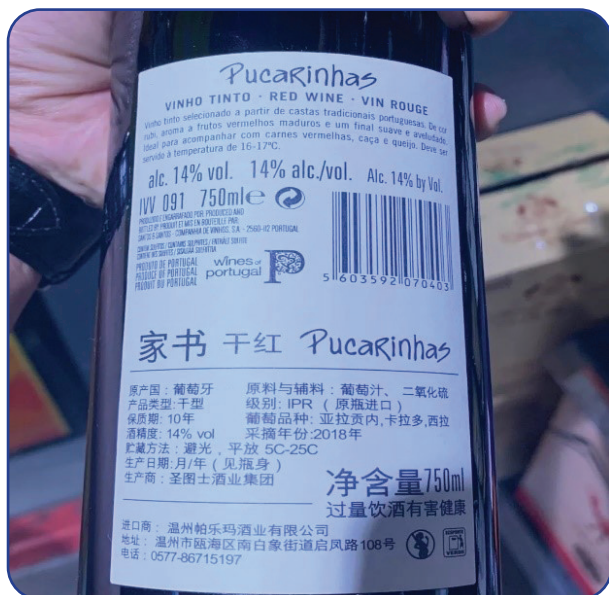
Thực phẩm tươi sống như thịt sống đóng gói, cá sống, rau sống và trái cây, trứng gia cầm, v.v...; đồ uống và đồ uống có cồn với hàm lượng ethanol $\geq 0,5\%$; thực phẩm có tổng diện tích bề mặt $\leq 100\text{cm}^2$ hoặc diện tích bề mặt tối đa $\leq 20\text{cm}^2$; thực phẩm tiêu thụ trong ngày; nước uống đóng gói; thực phẩm đóng gói sẵn với lượng tiêu thụ hàng ngày $\leq 10\text{g}$ hoặc 10mL ; yêu cầu của các luật, quy định và tiêu chuẩn khác thể không có nhãn dinh dưỡng.



(Ảnh: nguồn internet)

3.5. Một số thực phẩm đóng gói sẵn có yêu cầu ghi nhãn đặc biệt

3.5.1. Rượu lên men được chia thành sáu loại sau: rượu vang, rượu gạo, rượu trái cây, rượu mật ong, bia và đồ uống từ mạch nha, và các loại rượu lên men khác (loại có ga).



(Ảnh: nguồn internet)

- ★ Nồng độ cồn nên được ghi đơn vị là "% vol";
- ★ Bia phải được đánh dấu bằng nồng độ lúa mì ban đầu, với tiêu đề "nồng độ nước lúa mì ban đầu" và ký hiệu độ platonique "°P" làm đơn vị. Rượu trái cây (trừ rượu vang) nên được đánh dấu thành phần nước trái cây ban đầu và được đánh dấu "XX%" trong danh sách thành phần;
- ★ Nên ghi chú "Uống rượu quá liều có hại cho sức khỏe" trên nhãn, đồng thời có thể đánh dấu các cảnh báo khác. Bia đóng trong chai thủy tinh cần được ghi các cảnh báo như "Không chịu va đập, để phòng vỡ chai";

★ Rượu vang và các loại rượu lên men khác có nồng độ cồn lớn hơn hoặc bằng 10% vol và các loại rượu pha trộn của chúng có thể được miễn đánh dấu hạn sử dụng.

3.5.2. Nước uống đóng chai thiên nhiên

- ★ Cần tuân thủ các quy định có liên quan của GB7718;
- ★ Nêu tên nguồn nước khoáng thiên nhiên;
- ★ Biểu thị chỉ số giới hạn đạt chuẩn của sản phẩm, tổng hàm lượng chất rắn hòa tan và khoảng hàm lượng của các ion dương chính (K, Na, Ca, Mg);

★ Khi hàm lượng flo lớn hơn 1,0mg/L, cần ghi nhãn bằng dòng chữ "chứa flo";

★ Để đánh dấu loại sản phẩm, bạn có thể sử dụng mẫu phân loại trực tiếp trước tên sản phẩm, chẳng hạn như "nước khoáng thiên nhiên có ga" hoặc ghi nhãn tên sản phẩm "nước khoáng thiên nhiên" và đánh dấu loại sản phẩm của nó bên dưới: loại không có ga hoặc có ga. Đối với Nước khoáng thiên nhiên "không có ga" và đã khử ga có thể được miễn ghi nhãn loại sản phẩm;

★ Trừ khi được các cơ quan nhà nước có liên quan phê duyệt, trên nhãn sẽ không được tuyên bố là có tác dụng y tế.

3.5.3. Thực phẩm được chiếu xạ:

Thực phẩm được chế biến bằng bức xạ ion hóa hoặc năng lượng ion hóa nên được dán nhãn "thực phẩm đã được chiếu xạ" gần tên của thực phẩm; các thành phần đã qua chiếu xạ phải được đánh dấu trong danh sách thành phần

4. Các trường hợp thường gặp tên thực phẩm đóng gói sẵn không phù hợp do:



(Ảnh: nguồn internet)

★ Tên của thực phẩm không phản ánh đúng bản chất của thực phẩm hoặc không lựa chọn tên quy định trong tiêu chuẩn sản phẩm, chẳng hạn như thực phẩm phồng được dán nhãn là "gà cốm", "bít tết", v.v ...;

★ Sử dụng cỡ chữ, màu sắc khác biệt, ngôn ngữ trực tiếp hoặc ám chỉ, hình ảnh, ký hiệu, v.v. để đánh lừa người tiêu dùng;

★ Tên trên mặt chính của nhãn thực phẩm với tên trên vị trí khác của thực phẩm không trùng khớp;

★ Khi sử dụng "tên sáng tạo", "tên lạ", "tên chuyển ngữ", "tên thương hiệu", "tên lóng của

vùng" hoặc "tên thương hiệu", không trên cùng một trang hiển thị với tên đã đánh dấu hiển thị tên chuyên dụng phản ánh các thuộc tính thực sự của thực phẩm, chẳng hạn như chỉ đánh dấu "Đất ăn được" không được đánh dấu bằng tên thuộc tính thực "bánh quy" bên cạnh.

Việc đổi mới mô hình giám sát quản lý kiểm tra nhãn đối với thực phẩm bao gói sẵn nhập khẩu

đã thúc đẩy hiệu quả việc thực hiện trách nhiệm chính của nhà nhập khẩu, có lợi cho việc bảo đảm thực hiện tốt hơn trách nhiệm giám sát quản lý, nâng cao mức độ tinh vi của giám sát cảng, cửa khẩu và mức độ thuận lợi hóa các dịch vụ thủ tục hải quan. Việc đổi mới mô hình quản lý giám sát kiểm tra nhãn đã nâng cao hiệu quả thông quan thực phẩm nhập khẩu, giảm chi phí lưu kho và tăng cường ý thức chung cho doanh nghiệp.

HOA KỲ THÔNG BÁO VỀ VIỆC TẠM NGỪNG ĐƯA CHÓ NHẬP CẢNH TỪ CÁC QUỐC GIA CÓ NGUY CƠ BỆNH ĐẠI CAO

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 16/7/2021, Hoa Kỳ thông báo số G/SPS/N/USA/3256 nhằm đưa ra thông báo về việc tạm ngừng đưa chó nhập cảnh vào Hoa Kỳ từ các quốc gia có nguy cơ mắc bệnh đại cao.

Bệnh đại, một trong những bệnh truyền nhiễm từ động vật nguy hiểm nhất, gây ra ước tính khoảng 59.000 ca tử vong ở người trên toàn cầu 1 năm tương đương với một người chết cứ sau 9 phút. Biến thể của vi rút dại canine (CRVV) là nguyên nhân gây ra 98% số ca tử vong này. Vi rút dại có thể lây nhiễm sang bất kỳ động vật có vú nào và một khi các dấu hiệu lâm sàng xuất hiện, căn bệnh này hầu như luôn gây tử vong. Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh/ Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (HHS/CDC) tuyên bố Hoa Kỳ không có CRVV. Tuy nhiên, biến thể vi rút dại này vẫn là một mối đe dọa sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng ở hơn 120 quốc gia nơi CRVV vẫn còn phổ biến. Ngăn chặn sự xâm nhập của động vật bị nhiễm CRVV vào Hoa Kỳ là một ưu tiên đối với sức khỏe cộng đồng. Yêu cầu này sẽ bị áp dụng trừ khi chủ sở hữu hoặc nhà nhập khẩu chó đưa ra bằng chứng thỏa đáng rằng các con chó dưới 6 tháng tuổi và chỉ ở quốc gia không có CRVV hoặc có nguy cơ thấp; hoặc chó chỉ ở quốc gia không có CRVV hoặc có nguy cơ thấp trong 6 tháng trước khi đến Hoa Kỳ nếu nó lớn hơn 6 tháng. CDC duy trì danh sách các quốc gia có nguy cơ CRVV cao và cung cấp hướng dẫn về các yêu cầu nhập cảnh đối với chó dựa trên quốc gia nhập khẩu của chó.

Ngoài ra CDC có thể loại trừ các con chó đến Hoa Kỳ tại các khu vực được xác định là có tỷ lệ mắc bệnh đại cao. CDC cũng có thể tạm thời đình chỉ

việc nhập cảnh động vật, vật phẩm hoặc những thứ từ các quốc gia và địa điểm nước ngoài được chỉ định vào Hoa Kỳ khi xác định rằng ở nước đó có một căn bệnh truyền nhiễm đe dọa sức khỏe cộng đồng của Hoa Kỳ và việc nhập khẩu hàng hóa từ quốc gia đó làm tăng nguy cơ lây nhiễm bệnh truyền nhiễm. Khi lệnh đình chỉ như vậy được ban hành, CDC chỉ định khoảng thời gian hoặc các điều kiện mà việc nhập khẩu vào Hoa Kỳ có thể bị đình chỉ. CDC căn cứ vào việc đình chỉ tạm thời này cho các cơ quan pháp luật này.

Do vậy CDC thuộc HHS thông báo tạm ngừng nhập khẩu chó từ các quốc gia có nguy cơ cao mắc bệnh đại (sau đây gọi là quốc gia hoặc các quốc gia có nguy cơ cao) vào Hoa Kỳ. Do phản ứng toàn cầu chưa từng có đối với đại dịch Coronavirus 2019 (COVID – 19) và sự sẵn có hạn chế của các nguồn lực y tế công cộng ở cấp Liên bang, tiểu bang và địa phương, hành động này là cần thiết để bảo vệ sức khỏe cộng đồng chống lại sự tái sinh của vi rút dại biến thể ở chó (CRVV) vào Hoa Kỳ và để đảm bảo quyền lợi của những con chó được nhập khẩu vào Hoa Kỳ việc đình chỉ này, với một số trường hợp ngoại lệ, bao gồm những con chó được nhập khẩu từ các quốc gia có nguy cơ thấp hoặc không có CRVV nếu chó đã ở bất kỳ quốc gia có nguy cơ cao nào trong sáu tháng trước. Thông báo này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2021.



(Ảnh: nguồn internet)

VƯƠNG QUỐC ANH THÔNG BÁO VỀ CÁC CUỘC THANH TRA SỨC KHOẺ THỰC VẬT NHẬP KHẨU VÀO NƯỚC NÀY NHẪM MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 6/9/2021, Anh thông báo số G/SPS/N/GBR/9 nhằm đưa ra thông báo về cuộc thanh tra sức khỏe thực vật nhập khẩu vào nước này với mục tiêu đánh giá rủi ro.

Tại thông báo này, Vương quốc Anh đã đưa ra một số lưu ý về phương pháp xác định tần suất kiểm tra nhập khẩu sức khỏe thực vật mục tiêu rủi ro. Cụ thể, việc kiểm tra này do các cơ quan dịch vụ sức khỏe thực vật của Anh Quốc thực hiện đối với các lô hàng thực vật nhập khẩu, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác với mục đích ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của các sinh vật gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật. Vương quốc Anh cho rằng điều này là rất quan trọng trong việc bảo vệ nước này trước các rủi ro phát sinh từ việc buôn bán thực vật và nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật. Việc này sẽ góp phần bảo vệ mùa màng, sản phẩm, cây cối và các loài thực vật khác của Anh khỏi các mối

đe dọa của sâu bệnh và giúp hỗ trợ mục tiêu của chính phủ là giữ gìn môi trường tự nhiên ở trạng thái tốt nhất.

Nguyên tắc chung được áp dụng đối với tất cả các lô hàng thực vật và sản phẩm thực vật được quản lý (tức là những lô hàng có thể gây rủi ro cho sức khỏe thực vật và phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật kèm theo) đều sẽ phải được kiểm tra khi đến hoặc ngay sau khi đến Anh. Trong giai đoạn khi Vương quốc Anh là một thành viên của Liên minh châu Âu, các loại hàng hóa từ một quốc gia cụ thể nếu được đánh giá là có nguy cơ rủi ro gây hại sức khỏe thực vật thấp và chứng minh được lịch sử tuân thủ các biện pháp bảo vệ thực vật tốt thì có thể được giảm tần

suất kiểm tra. Tuy nhiên nguyên liệu có nguồn gốc thực vật được đánh giá có rủi ro cao hơn, chẳng hạn như cây trồng và khoai tây đã bị loại trừ khỏi việc xem xét giảm mức độ kiểm tra. Các tiêu chí nhất định bao gồm mức độ phù hợp của lô hàng nhập khẩu và quy trình thực hiện kiểm tra phải được đáp ứng nếu muốn được xem xét giảm tần suất kiểm tra. Mức độ kiểm tra cần thiết được tính toán bằng cách sử dụng ma trận, dựa trên số lượng lô hàng nhập khẩu, mức độ kiểm tra đã thực hiện và lịch sử tuân thủ trước đây. Sau khi rời khỏi EU, Anh Quốc dự định duy trì cách tiếp cận với mục tiêu đánh giá rủi ro để kiểm tra hàng nhập khẩu và điều chỉnh nó phù hợp hơn với các mối nguy cụ thể mà những lô hàng nhập khẩu có thể gây ra cho nước này.

Trong thông báo lần này đã cung cấp thêm thông tin cơ bản và giải thích phương pháp mà Anh dự định sử dụng nhằm xác định mức độ kiểm tra danh nghĩa và kiểm tra thực tế đối với hàng hóa thực vật được quản lý nhập khẩu vào nước này. Mức độ kiểm tra sẽ được xem xét hàng năm và sửa đổi khi cần thiết để phản ánh kịp thời bất cứ thay đổi nào về mức độ rủi ro mà các tình huống cụ thể gây ra. Nếu xuất hiện bất kỳ bằng chứng nào về nguy cơ ở mức nghiêm trọng đối với sức khỏe cây trồng thì Anh có thể thực hiện

các hành động khẩn cấp bên ngoài ở mức khắt khe hơn so với quy trình đánh giá hàng năm

Một hệ thống của EU sử dụng để kiểm tra các mục tiêu rủi ro đã được áp dụng từ năm 2005, hệ thống này hoạt động tốt và nhận được sự công nhận của các nước thứ ba. Do đó, một khuôn mẫu từ hệ thống kiểm tra này EU sẽ được thực hiện và điều chỉnh để áp dụng tại Vương quốc Anh. Các tiêu chí được sử dụng để xác định hàng hóa được quản lý nào có đủ điều kiện để giảm mức độ kiểm tra ở EU cũng sẽ được áp dụng trong hệ thống của Anh nhưng được mở rộng quy mô phù hợp do thị trường tại quốc gia này nhỏ hơn rất nhiều so với EU. Vì vậy hàng hóa đủ điều kiện nói chung đòi phải phải đáp ứng các yêu cầu về lịch sử thương mại xảy ra trong ít nhất ba năm qua và có bằng chứng về sự tuân thủ tốt. Mỗi giao dịch (bao gồm quốc gia và tổ hợp hàng hóa) trong hệ thống nhằm mục tiêu rủi ro sẽ yêu cầu ít nhất 40 lần kiểm tra. Các giao dịch sẽ đủ điều kiện để được thêm vào hệ thống nếu được hỗ trợ bởi bằng chứng hoặc lý do chính đáng. Các giao dịch đã có trong hệ thống không duy trì các tiêu chí đủ điều kiện bắt buộc sẽ bị xóa khỏi hệ thống và mức độ kiểm tra mục tiêu trở về 100%.

Các điều kiện cụ thể khác được nêu rõ trong thông báo này.



(Ảnh: [nguồninternet](#))



EU THÔNG BÁO VỀ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHO PHÉP SỬ DỤNG CHẤT L-THREONINE TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 17/6/2021, Liên minh châu Âu thông báo số G/SPS/N/EU/496 nhằm đưa ra thông báo Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/969 liên quan đến việc cho phép L-threonine được sản xuất bởi *Escherichia coli* CGMCC 13325 như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật

Theo đó Quy định (EC) số 1831/2003 về việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và các cơ sở, thủ tục để cấp và gia hạn giấy phép sử dụng các chất này. Dựa theo nội dung Điều 7 của Quy định (EC) số 1831/2003, đơn đăng ký đã được đệ trình để xin phép sử dụng chất *L-threonine* sản xuất từ *Escherichia coli* CGMCC 13325 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi dành cho tất cả các loài động vật. Đơn đăng ký này bao gồm các thông tin chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 7 (3) của Quy định (EC) 1831/2003. Nội dung đơn đệ trình liên quan đến việc cho phép *L-threonine* được sản xuất bởi *Escherichia coli* CGMCC 13325 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật được phân loại trong danh mục phụ gia "Phụ gia dinh dưỡng".

Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (sau đây gọi tắt là "Cơ quan") đã đưa ra ý kiến kết luận vào ngày 18 tháng 11 năm 2020 rằng theo các điều kiện sử dụng được đề xuất trong đơn đệ trình thì chất *L-threonine* được sản xuất bởi *Escherichia coli* CGMCC 13325 không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe động vật, an toàn của người tiêu dùng hoặc môi trường. Tuy nhiên trong kết luận này có nêu rõ nguy cơ hít phải nội độc tố cho người sử

dụng chất phụ gia này. Do đó các biện pháp bảo vệ thích hợp cần được thực hiện để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Cơ quan cũng kết luận rằng chất phụ gia này là một nguồn axit amin *L-threonine* hiệu quả cho tất cả các loài động vật và để đạt được hiệu quả ở cả động vật nhai lại và các loài không nhai lại thì cần yêu cầu đảm bảo chất phụ gia phải được bảo toàn chống lại sự suy giảm trong dạ cỏ. Cơ quan có thẩm quyền của EU không cho rằng cần có các yêu cầu cụ thể liên quan đến quá trình giám sát sau thị trường. Đồng thời Cơ quan cũng xác minh các nội dung trong báo cáo về phương pháp phân tích phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do Phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003. Theo quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003, việc đánh giá *L-threonine* do *Escherichia coli* CGMCC 13325 sản xuất cho thấy rằng các điều kiện để được cấp phép đều đã được đáp ứng.

Các nội dung quy định chi tiết được nêu trong văn bản đi kèm thông báo. Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu.

EU THÔNG BÁO VỀ QUY ĐỊNH THỰC THI CỦA ỦY BAN (EU) 2021/968 VÀ VIỆC BÃI BỎ QUY ĐỊNH (EU) SỐ 335/2010

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 17/06/2021, Liên minh Châu Âu thông báo số G/SPS/N/EU/495 nhằm đưa ra thông báo về Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2021/968 liên quan đến việc gia hạn việc cấp phép đối với kẽm chelate từ chất tương tự hydroxy từ methionine như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 335/2010



(Ảnh: nguồn internet)

Theo đó Quy định (EC) số 1831/2003 về việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và các cơ sở, thủ tục để cấp và gia hạn giấy phép sử dụng các chất này. Kẽm chelate của chất tương tự hydroxy từ methionine đã được chấp thuận như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật theo Quy định của Ủy ban (EU) số 335/2010 trong 10 năm. Đơn đăng ký

xin gia hạn việc cấp phép chelate kẽm của hydroxy từ methionine làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong danh mục phụ gia “Phụ gia dinh dưỡng” được đính kèm với các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 14 (2) của Quy định (EC) số 1831/2003 đã được đệ trình. Kết quả từ ý kiến của Cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu (gọi tắt là Cơ quan) ngày 18 tháng 11 năm 2020



cho rằng: trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, kẽm chelate của chất tương tự hydroxy của methionine không có tác dụng phụ đối với sức khỏe động vật, sự an toàn của người tiêu dùng hoặc môi trường. Cơ quan cũng kết luận rằng chất phụ gia này có nguy cơ gây hại cho người sử dụng khi hít phải và có thể gây hiện tượng mẩn cảm da. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia này. Cơ quan cũng đã xác minh báo cáo về phương pháp phân tích phụ gia trong thức ăn chăn nuôi do phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003 và kết luận việc đánh giá chelate kẽm của chất tương tự hydroxy của methionine đều đáp ứng các điều kiện để được cấp phép theo quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003. Theo đó, việc cấp phép cho phụ gia này nên được gia hạn. Bên cạnh đó do việc gia hạn cấp phép kẽm chelate của chất tương tự hydroxy của methionine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi được phê duyệt nên Quy định (EU) số 335/2010 cần được bãi bỏ.

Vì các lý do an toàn không yêu cầu áp dụng ngay lập tức những sửa đổi này đối với các điều kiện cho phép sử dụng kẽm chelate của chất

tương tự hydroxy của methionine nên một giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan có thể chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu mới do việc gia hạn này được chấp nhận. Cụ thể, kẽm chelate của chất tương tự hydroxy của methionine và các hỗn hợp trộn có chứa chất phụ gia này được sản xuất và dán nhãn trước ngày 7 tháng 1 năm 2022 theo các quy tắc áp dụng trước ngày 7 tháng 7 năm 2021 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết hàng tồn kho. Đối với các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp có chứa chất này được sản xuất và dán nhãn trước ngày 7 tháng 7 năm 2022 theo các quy tắc áp dụng trước ngày 7 tháng 7 năm 2021 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết nguồn dự trữ hiện có nếu chúng dành cho động vật dùng để sản xuất thực phẩm. Đối với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp được sản xuất và dán nhãn trước ngày 7 tháng 7 năm 2023 theo các quy tắc áp dụng trước ngày 7 tháng 7 năm 2021 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết nguồn dự trữ hiện có nếu chúng dành cho động vật không sử dụng để sản xuất thực phẩm.

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu.



(Ảnh: nguồn internet)

UKRAINE: DỰ THẢO SẮC LỆNH VỀ VIỆC “PHÊ DUYỆT THỦ TỤC CÔNG NHẬN TƯƠNG ĐƯƠNG CÁC HỆ THỐNG KIỂM SOÁT CỦA NHÀ NƯỚC XUẤT KHẨU”

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 8/7/2021, Bộ Kinh tế Ukraine ra thông báo số G/SPS/N/UKR/163 về Dự thảo Sắc lệnh "Phê duyệt thủ tục công nhận tương đương của các hệ thống kiểm soát nhà nước của nước xuất khẩu".

Theo dự thảo Sắc lệnh, việc thừa nhận tương đương đối với hệ thống kiểm soát nhà nước của nước xuất khẩu và hệ thống kiểm soát nhà nước của Ukraine có thể được thực hiện khi nhận được yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu nơi họ đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát nhà nước cung cấp các kết quả tương đương về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, sức khỏe và đối xử nhân đạo với động vật theo quy định của pháp luật Ukraine và đề xuất tổ chức xác minh sự

tuân thủ (tương đương) của hệ thống kiểm soát nhà nước của nước xuất khẩu theo luật pháp của Ukraine. Báo cáo đánh giá sự phù hợp trên cơ sở kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền sẽ chuẩn bị dự thảo Thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu về việc thừa nhận sự tương đương đối với hệ thống kiểm soát nhà nước của nước xuất khẩu (phần riêng của hệ thống đó) và nhà nước hệ thống kiểm soát của Ukraine. Quyết định công nhận sự tương đương đối với hệ thống kiểm soát nhà nước của nước xuất khẩu mà Ukraine không có Hiệp định liên quan sẽ được thực hiện đặc biệt trên cơ sở tiến hành các biện pháp kiểm soát nhà nước ở nước xuất khẩu theo thủ tục kiểm soát.

CANADA ĐỀ XUẤT VÀ THÔNG QUA MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA DƯ LƯỢNG: FLUAZAINDOLIZINE, MANDIPROPAMID, BENZOVINDIFLUPYR, SULFOXAFLO, SETHOXYDIM, PYROXASULFONE VÀ FLONICAMID

TS. Ngô Xuân Nam
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/CAN/1397 ngày 25/6/2021; G/SPS/N/CAN/1403, G/SPS/N/CAN/1404 ngày 16/7/2021 và G/SPS/N/CAN/1405, G/SPS/N/CAN/1407, G/SPS/N/CAN/1408, G/SPS/N/CAN/1410 ngày 28/7/2021, Canada muốn tham vấn ý kiến trong và ngoài nước về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với các chất tương ứng lần

lượt là *Fluazaindolizine* (Bảng 1), *Mandipropamid* (Bảng 2), *Benzovindiflupyr* (Bảng 3), *Sulfoxaflor* (Bảng 4), *Sethoxydim* (Bảng 5), *Pyroxasulfone* (Bảng 6) và *Flonicamid* (Bảng 7) đã được cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể như sau:

Bảng 1. Đề xuất Mức MRLs đối với *Fluazaindolizine*

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
0,8	Rau họ đậu (mọng nước hoặc khô) (nhóm cây trồng 6); hạt có dầu (nhóm cây trồng 20) (sửa đổi)
0,2	Các loại rau có củ và lá hành (phân nhóm cây trồng 1C)
0,15	Rau bầu bí (nhóm cây trồng 9)
0,07	Rau quả (nhóm cây trồng 8-09)
0,05	Củ cà rốt
0,03	Rau củ (nhóm cây trồng 3-07); cuống, thân và cuống lá (nhóm cây trồng 22)
0,02	Rau ăn củ, trừ củ cải đường (nhóm cây trồng 1B, trừ củ cà rốt) 0,015 Lá rau ăn củ (nhóm cây trồng 2); rau ăn lá (nhóm cây trồng 4-13); Nhóm rau thân và đầu lá Brassica (nhóm cây trồng 5-13)
0,01	Quả mọng phát triển thấp (phân nhóm cây trồng 13-07G); hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15); trứng, mỡ, thịt và các phụ phẩm từ thịt của gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm và cừu; Sữa

¹ppm = phần triệu



(Ảnh: nguồn internet)

BẢNG 2. ĐỀ XUẤT MỨC MRLs ĐỐI VỚI MANDIPROPAMID

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
15	Tinh dầu quả có múi (cam, quýt,...)
0,5	Trái cây có múi (nhóm cây trồng 10) (sữa đổi)

¹ppm = phần triệu



(Ảnh: nguồn internet)

BẢNG 3. ĐỀ XUẤT MỨC MRLs ĐỐI VỚI BENZOVINDIFLUPYR

2,0	Quả Việt quất (phân nhóm cây trồng 13-07B, trừ quả lý gai)
1,5	Quả mâm xôi (phân nhóm cây trồng 13-07A)
0,7	Hoa (bông) atiso



(Ảnh: nguồn internet)

BẢNG 4. ĐỀ XUẤT MỨC MRLs ĐỐI VỚI SULFOXAFLOX

0,08	Hạt diêm mạch
0,01	Măng tây

¹ppm = phần triệu

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
20	Lá húng quế khô
8,0	Lá húng quế tươi

¹ppm = phần triệu



(Ảnh: nguồn internet)

BẢNG 5. ĐỀ XUẤT MỨC MRLs ĐỐI VỚI SETHOXYDIM

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
0,7	Tinh dầu bạc hà
0,2	Ngọn bạc hà



(Ảnh: nguồn internet)

BẢNG 6. ĐỀ XUẤT MỨC MRLs ĐỐI VỚI PYROXASULFONE

0,15	Rau củ (nhóm cây trồng 3-07)
------	------------------------------

¹ppm = phần triệu

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
16	Bắp cải <i>Abyssinian</i> , cải nhện Nhật Bản (mizuna), cải xoong,...



(Ảnh: nguồn internet)

BẢNG 7. ĐỀ XUẤT MỨC MRLs ĐỐI VỚI FLONICAMID

4,0	Rau diếp, rau dền Trung Quốc, lá rau mùi tươi, lá thì là tươi,...
-----	---

¹ppm = phần triệu



(Ảnh: nguồn internet)

NHẬT BẢN: SỬA ĐỔI CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN CHO THỰC PHẨM, PHỤ GIA THỰC PHẨM, V.V... THEO ĐẠO LUẬT VỆ SINH THỰC PHẨM

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/JPN/863 ngày 30/7/2021 về việc sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp). Nhật Bản đã đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) trong mật ong đối với hàng loạt hóa chất nông nghiệp, cụ thể như sau:

Hóa chất Nông nghiệp (thuốc trừ sâu và thuốc thú y)	MRL dự thảo (ppm)	MRL hiện tại (ppm)
Acynonapryr	0,05	
Ametoctradin	0,05	
Amisulbrom	0,05	
Benthiavalicarb - isopropyl	0,05	
Broflanilide	0,05	
Chlorantraniliprole	0,05	
Chlorflazuron	0,05	
Cyazofamid	0,05	
Cyclaniliprole	0,05	
Cyenopyrafen	0,05	
Cyflufenamid	0,05	
Cyflumetofen	0,05	
Fenhexamid	0,01	
Fenpicoxamid	0,05	
Fluoxastrobin	0,05	
Flutianil	0,05	
Flutolanil	0,05	
Fluxametamide	0,05	



(Ảnh: nguồn internet)



(Ảnh: nguồn internet)

Glyphosate	0,05	
Hexythiazox	0,05	
Imazapyr	0,05	
Kasugamycin	0,05	
Mandestrobin	0,05	
Mandipropamid	0,05	
Mefentrifluconazole	0,05	
Mesotrione	0,05	
Metrafenone	0,05	
Metyltetraprole	0,05	
Oxathiapiprolin	0,05	
Picarbutrazox	0,05	
Prohexadione - calcium	0,05	
Pyraziflumid	0,05	
Pyriofenone	0,05	
Pyroxasulfone	0,05	
Spinetoram	0,05	
Tetraniliprole	0,05	
Zoxamide	0,05	
Diflubenzuron	0,01	
Etoxazole	0,05	
Spinosad	0,01	

* Lưu ý:

- 0,05 là MRLs được nâng lên cho mật ong.
- 0,01 ppm là giới hạn đồng nhất của MRLs hiện tại cho mỗi hóa chất trong bảng trên được áp dụng cho mật ong (hiển thị trong ô trống).



(Ảnh: nguồn internet)



(Ảnh: nguồn internet)

DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO - TRONG THÁNG 7/2021

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/CAN/1398	Canada	1/7/2021	Đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa đối với chất: Picoxystrobin (PMRL2021-18)
2	G/SPS/N/AUS/502/Add.11	Úc	1/7/2021	Các sản phẩm thực vật là vật chủ của một cứng đốt khapra (<i>Trogoderma granarium</i>)
3	G/SPS/N/KOR/729	Hàn Quốc	2/7/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"
4	G/SPS/N/KOR/728	Hàn Quốc	2/7/2021	Đề xuất sửa đổi đối với Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm
5	G/SPS/N/KOR/727	Hàn Quốc	2/7/2021	Đề xuất sửa đổi đối với Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm
6	G/SPS/N/KOR/726	Hàn Quốc	2/7/2021	Đề xuất sửa đổi đối với Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm
7	G/SPS/N/KAZ/91	Kazakhstan	5/7/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo sửa đổi Quyết định số 318 ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Liên minh Hải quan
8	G/SPS/N/KAZ/90	Kazakhstan	5/7/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo Quyết định sửa đổi Bảng 8 của "Yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với sản phẩm và đối tượng kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan" của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU)
9	G/SPS/N/USA/3255	Hoa Kỳ	6/7/2021	Quy tắc cuối cùng đối với dung sai thuốc trừ sâu: <i>Tolfenpyrad</i> .
10	G/SPS/N/GBR/10	Vương quốc Anh	6/7/2021	Kiểm soát chính thức (các biện pháp tạm thời) (<i>Coronavirus</i>) (Sửa đổi) (Số 2) Quy định 2021 (trước khi có các biện pháp kiểm soát chính thức (Các biện pháp tạm thời) (<i>Coronavirus</i>) (Sửa đổi) Quy định 2021)

11	G/SPS/N/ CHE/77/ Add.2	Thụy Sĩ	6/7/2021	Pháp lệnh về thực phẩm biến đổi gen (Genetically Modified Foodstuffs - GMFO)
12	G/SPS/N/ TUR/118	Thổ Nhĩ Kỳ	7/7/2021	Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ Codex - Công bố về rượu trái cây
13	G/SPS/N/ ZAF/75	Nam Phi	7/7/2021	Sửa đổi các quy định về biện pháp khắc phục hậu quả trong nông nghiệp
14	G/SPS/N/ TUR/12/ Add.1	Thổ Nhĩ Kỳ	7/7/2021	Danh sách các quốc gia và khu vực sản xuất được phê duyệt và để nhập khẩu động vật nhuỷn thể hai mảnh vỏ
15	G/SPS/N/ UKR/164	Ukraine	8/7/2021	Sắc lệnh của Bộ Y tế Ukraine số 961 "Về việc sửa đổi các tiêu chuẩn và quy định vệ sinh để sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp" ngày 18 tháng 5 năm 2021.
16	G/SPS/N/ UKR/163	Ukraine	8/7/2021	Dự thảo Sắc lệnh của Bộ Kinh tế Ukraine "Về việc phê duyệt thủ tục công nhận tương đương của các hệ thống kiểm soát nhà nước của nước xuất khẩu"
17	G/SPS/N/ CAN/1402	Canada	8/7/2021	Mức giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất đối với chất: Pyridate (PMRL2021- 22)
18	G/SPS/N/ TPKM/570	Đài Loan	8/7/2021	Dự thảo sửa đổi các tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm
19	G/SPS/N/ TPKM/569	Đài Loan	8/7/2021	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 3 Mã CCC cụ thể
20	G/SPS/N/ USA/3256	Hoa Kỳ	16/7/2021	Thông báo về việc tạm ngừng nhập khẩu chó vào Hoa Kỳ từ các quốc gia có nguy cơ mắc bệnh dại cao (Việt Nam trong danh sách các quốc gia bị ảnh hưởng)
21	G/SPS/N/ UKR/165	Ukraine	16/7/2021	Dự thảo Sắc lệnh của Bộ Kinh tế Ukraine "Phê duyệt các yêu cầu đối với đối xử nhân đạo với động vật bị giết mổ"
22	G/SPS/N/ GBR/8/ Add.1	Vương quốc Anh	16/7/2021	PH / 026 Biện pháp dịch hại

23	G/SPS/N/CHN/1223	Trung Quốc	16/7/2021	Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt giống cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i> L.) và ớt (<i>Capsicum</i> spp.)
24	G/SPS/N/CAN/1404	Canada	16/7/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: <i>Benzovindiflupyr</i> (PMRL2021-24)
25	G/SPS/N/CAN/1403	Canada	16/7/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: <i>Mandipropamid</i> (PMRL2021-23)
26	G/SPS/N/AUS/526	Úc	16/7/2021	Dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu Di-lân sửa đổi (ngày 13 tháng 7 năm 2021)
27	G/SPS/N/USA/3257	Hoa Kỳ	19/7/2021	Đề trình kiến nghị chất phụ gia màu: Gardenia Blue Interest Group
28	G/SPS/N/UKR/143/Add.2	Ukraine	19/7/2021	Dự thảo Luật của Ukraine "Về sửa đổi đối với một số luật của Ukraine liên quan đến thực phẩm và các đối tượng khác của các biện pháp vệ sinh thực phẩm" - Thay đổi về ngày để xuất có hiệu lực
29	G/SPS/N/BRA/1958	Brazil	19/7/2021	Pháp lệnh số 360 ngày 12 tháng 7 năm 2021, sửa đổi danh sách dịch hại không được kiểm dịch
30	G/SPS/N/USA/3258	Hoa Kỳ	20/7/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu: <i>Fluxapyroxad</i> ; Quy tắc cuối cùng.
31	G/SPS/N/IND/264	Ấn Độ	20/7/2021	Dự thảo Quy định về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Ayurveda Aahar), Quy định năm 2021
32	G/SPS/N/NZL/651	Niu Di-lân	22/7/2021	Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu: Hành lý gửi cá nhân của các sản phẩm dùng cho người và đồ dùng cá nhân (Dự thảo).
33	G/SPS/N/NZL/652	Niu Di-lân	23/7/2021	Dự thảo tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho cây có mùi để trồng từ tất cả các quốc gia
34	G/SPS/N/KOR/730	Hàn Quốc	26/7/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"

35	G/SPS/N/EU/497	Liên minh Châu Âu	26/7/2021	Quy định của Ủy ban (EU) 2021/1156 ngày 13 tháng 7 năm 2021 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và của Hội đồng châu Âu và Phụ lục về Quy định của Ủy ban (EU) số 231/2012 liên quan đến steviol glycoside (E 960) và rebaudioside M được tạo ra thông qua biến đổi enzyme của steviol glycoside từ Stevia
36	G/SPS/N/KAZ/92	Kazakhstan	27/7/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo Quyết định "Về việc sửa đổi một số quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan và Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu"
37	G/SPS/N/CAN/1410	Canada	28/7/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: <i>Fonicamid</i> (PMRL2021-30)
38	G/SPS/N/CAN/1408	Canada	28/7/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: <i>Pyroxasulfone</i> (PMRL2021-28)
39	G/SPS/N/CAN/1407	Canada	28/7/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: <i>Sethoxydim</i> (PMRL2021-27)
40	G/SPS/N/CAN/1405	Canada	28/7/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho: <i>Sulfoxaflor</i> (PMRL2021-25)
41	G/SPS/N/JPN/863	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
42	G/SPS/N/JPN/862	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
43	G/SPS/N/JPN/861	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
44	G/SPS/N/JPN/860	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
45	G/SPS/N/JPN/859	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).

46	G/SPS/N/JPN/858	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
47	G/SPS/N/JPN/857	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
48	G/SPS/N/JPN/856	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
49	G/SPS/N/JPN/855	Nhật Bản	30/7/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
50	G/SPS/N/EU/499	Liên minh Châu Âu	30/7/2021	Dự thảo quy chế thực hiện của Ủy ban sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/2072 liên quan đến việc liệt kê các loài gây hại, các điều cấm và yêu cầu đối với việc nhập khẩu và di chuyển trong Liên minh đối với các sản phẩm thực vật, sản phẩm nguồn gốc thực vật và các đối tượng khác, đồng thời bãi bỏ các Quyết định 98/109 / EC và 2002/757 / EC và Quy định thực hiện (EU) 2020/885 và (EU) 2020/1292
51	G/SPS/N/EU/498	Liên minh Châu Âu	30/7/2021	Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban liên quan đến việc gia hạn phê duyệt hoạt chất cypermethrin để thay thế theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi Phụ lục về Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011
52	G/SPS/N/CAN/1412	Canada	30/7/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất tạo ngọt được phép sử dụng là <i>steviol glycoside</i> từ <i>yarrowia lipolytica</i> VRM trong nhiều loại thực phẩm
53	G/SPS/N/CAN/1411	Canada	30/7/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất phụ gia thực phẩm được phép để mở rộng việc sử dụng ba chất phụ gia thực phẩm cho một số sản phẩm dựa trên protein thực vật cô lập

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/BRA/1853/Add.1	Brazil	20/7/2021	Pháp lệnh số 359 ngày 9 tháng 7 năm 2021, sửa đổi Chỉ thị quy phạm số 110 ngày 24 tháng 11 năm 2020 phê duyệt nguyên liệu thô cho các thành phần, phụ gia và phương tiện sử dụng trong thức ăn chăn nuôi
2	G/SPS/N/UKR/160/Add.1	Ukraine	22/7/2021	Việc thông qua Lệnh của Bộ Y tế Ukraine "Về việc phê duyệt mức dư lượng tối đa (MRL) của hàm lượng <i>chlorpyrifos</i> và <i>chlorpyrifos-methyl</i> trong các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm và về việc sửa đổi các tiêu chuẩn và quy định vệ sinh để sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất nông nghiệp "
3	G/SPS/N/JPN/819/Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
4	G/SPS/N/JPN/818/Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
5	G/SPS/N/JPN/817/Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
6	G/SPS/N/JPN/816/Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
7	G/SPS/N/JPN/803/Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)

8	G/SPS/N/ JPN/802/ Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
9	G/SPS/N/ JPN/801/ Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
10	G/SPS/N/ JPN/800/ Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
11	G/SPS/N/ JPN/641/ Add.1	Nhật Bản	30/7/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
12	G/SPS/N/ HKG/45/ Add.1	Hồng Kông	30/7/2021	Các sửa đổi đối với các chất có hại trong quy định về thực phẩm

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien> hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

